

QĐ số: 167 /2018/QĐST-HNGĐ

Long Thành, ngày 15 tháng 10 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH**

Căn cứ vào Điều 212, 213, 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 723/2018/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 9 năm 2018 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Phạm Tuấn B, sinh năm 1950.

HKTT: A, NDT, phường BTĐ, Quận B, TP Hồ Chí Minh.

Chỗ ở hiện nay: tổ C, ấp K, xã LP, huyện LT, tỉnh Đồng Nai.

- Bà Lê Thị Tiếp, sinh năm 1977.

HKTT: ấp G, xã TL, huyện MH, tỉnh Long An.

Chỗ ở hiện nay: tổ C, ấp K, xã LP, huyện LT, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Tuấn B và bà Lê Thị T thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Có 01 cháu tên Phạm Thị Diễm M, sinh ngày 21/6/2005. Ông B và bà T thống nhất giao cháu M cho bà T trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, tạm thời ông B không phải cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Tuấn B và bà Lê Thị T thuận tình ly hôn.
- Về con chung: Có 01 cháu tên Phạm Thị Diễm M, sinh ngày 21/6/2005.

Giao cháu M cho bà Tiếp trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, tạm thời ông Ban không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông B được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Vì quyền lợi của trẻ, khi cần thiết các bên có quyền thay đổi vị trí người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: không có.
- Về nợ chung: không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông B, bà T phải nộp 300.000đ tiền lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu số 006782 ngày 24/9/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKS ND H. Long Thành;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Đình Trung